TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/DS-PT
Ngày: 25/7/2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Hạnh
Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi
Ông Trần Văn Nhum

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đào Thị Tân – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 85/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2023/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Cao K – sinh năm 1981, trú tại khu phố 3, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1976.

HKTT: Thôn BN, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

Hiện trú tại: Thôn HL, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Văn D; sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Khu phố PT, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Do quen biết từ nhiều năm, ngày 14/6/2012 bà P cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng; không có thời hạn vay cụ thể, khi nào cần thì báo trước 01 tháng; khi vay bà L là người trực tiếp viết giấy vay và ký tên người vay; lãi suất vay thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng; bà P đã giao đủ tiền cho bà L tại nhà bà P.

Khoảng sau 3 tháng kể từ ngày vay, bà P cần tiền nên đã đến nhà bà L yêu cầu bà L trả tiền vay, sau nhiều lần đòi tiền thì vào năm 2015 bà L mới trả 15.000.000 đồng, năm 2016 trả nhiều lần theo tháng được 56.000.000 đồng, các năm 2019, 2020, 2021 mỗi năm trả được 20.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà L đã trả cho bà P là 131.000.000 đồng.

Thời gian vay đã quá lâu, kinh tế thì khó khăn nên bà P đã nhiều lần yêu cầu bà L trả một lần toàn bộ số nợ nhưng bà L không trả. Do đó, bà P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã PL giải quyết:

Buộc bà L trả cho bà P số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng.

Đồng thời, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự từ ngày 14/10/2012 cho đến khi trả hết tiền, cụ thể:

1.000.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 10 năm 05 tháng 08 ngày (tạm tính đến ngày 22/3/2023) = 1.879.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà P tự nguyện yêu cầu tính lãi 10%/năm theo mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, cụ thể:

1.000.000.000 đồng x 10%/năm x 10 năm 05 tháng 08 ngày (tạm tính đến ngày 22/3/2023) = 1.043.800.000 đồng.

Sau khi trừ đi số tiền bà L đã trả được thì tiền lãi bà L phải trả là: 1.043.800.000 đồng – 131.000.000 đồng = 912.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà L phải trả cho bà P tạm tính đến ngày 22/3/2023 là 1.000.000.000 đồng tiền vay gốc và 912.800.000 đồng tiền lãi.

Đối với lời trình bày của bà L về việc cho rằng số tiền 131.000.000 đồng đã trả cho bà P là tiền hụi hay tiền hỗ trợ do công việc làm ăn buôn bán trước đây chưa giải quyết dứt điểm, bà P không đồng ý bởi chính bà L thừa nhận từ năm 2008 hay 2009 đến nay giữa hai bên không còn nợ nần hay dính líu đến tiền bạc và bà L không cung cấp được tài liệu gì chứng minh đây là tiền hụi, tiền hỗ trợ.

Đối với lời trình bày của bà L về việc giao dịch vay tiền là vào khoảng năm 2008, 2009, không phải 2012 như trong giấy vay nhưng lại không đưa ra được chứng cứ gì, và giấy vay tiền này do chính tay bà L viết nên bà P không đồng ý.

Đối với ý kiến cho rằng bà L đã trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng, bà P không đồng ý bởi nếu đã trả và giữa hai bên không có nợ nần, dính líu tiền bạc

gì nữa thì tại sao hàng năm bà L vẫn đưa tiền cho bà P và bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả, và không đồng ý việc đã trả mà không lấy lại hay xé bỏ giấy vay vì đây là số tiền vay lớn.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Bà L và bà P quen biết và làm ăn chung với nhau từ năm 1998, bà L bỏ mối cá và cà phê cho bà P, ngoài ra bà L còn chơi hụi do bà P làm chủ. Nhưng đến năm 2009 thì giữa hai bên không còn làm ăn chung nữa, nhưng do chưa ngồi lại với nhau để giải quyết dứt điểm số tiền buôn bán, chơi hụi nên hàng năm bà L có đưa cho bà P 20.000.000 đồng nhằm hỗ trợ bà P trang trải cuộc sống hoặc trả tiền nợ hụi còn lại.

Bà L thừa nhận có vay của bà P số tiền 1.000.000.000 đồng và khi vay bà L là người viết giấy vay và ký tên người vay, chính là giấy vay bà P đã nộp cho Tòa án. Nhưng về năm vay tiền là khoảng năm 2008, 2009, không phải năm 2012, vì vào thời điểm năm 2012 bà L và bà P không còn làm ăn chung, không còn dính líu nợ nần gì nữa.

Số tiền vay 1.000.000.000 đồng bà L đã trả cho bà P sau thời gian vay khoảng 02 tháng vì lãi suất vay quá cao (3%/tháng), việc giao nhận tiền trả nợ vay chỉ có bà L và bà P với nhau, khi trả không có viết giấy và cũng không lấy lại giấy vay nên hiện giờ bà L không có giấy tờ hay có ai chứng kiến để chứng minh việc bà L đã trả 1.000.000.000 đồng cho bà P.

Do đã trả hết nợ cho bà P nên bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thúy P.

Buộc bị đơn Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thúy P số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 914.277.000 đồng (*Chín trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/4/2023, bà Trần Thị Mỹ L kháng cáo Bản án số 06/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước với nội dung đề nghị HĐXX phúc thẩm định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 14/6/2012, xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Bị đơn: rút một phần kháng cáo về yêu cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 14/6/2012. Giữ nguyên yêu cầu đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với kháng cáo yêu cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 14/6/2012; tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị Mỹ L, giữ nguyên Bản án số 06/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thị Mỹ L làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xin rút nội dung kháng cáo đề nghị giám định chữ viết trong giấy vay tiền. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị đơn, không bị ai ép buộc, xúi giục. Căn cứ theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo này.

[2] Về nội dung kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Vào ngày 14/6/2012, bà L có vay của bà P số tiền là 1.000.000.000 đồng không có thời hạn vay cụ thể, khi nào cần thì báo trước 01 tháng, khi vay bà L là người trực tiếp viết giấy và ký tên người vay, có thỏa thuận lãi vay bằng miệng.

Theo như thỏa thuận giữa bà P và bà L thì khi bà P cần thì báo trước cho bà L 01 tháng, sau 03 tháng kể từ ngày vay bà P đã yêu cầu bà L trả số tiền đã vay nhưng bà L không trả. Vì vậy, bà P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Căn cứ vào giấy vay tiền, lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 14/6/2012, bà Trần Thị Mỹ L đã vay của bà Nguyễn Thúy P số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1,5%/tháng. Bà L là người đã viết giấy tay thể hiện khoản vay trên. Sau nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L chỉ mới trả tiền lãi gồm vào năm 2015 bà L mới trả 15.000.000 đồng, năm 2016 trả nhiều lần theo tháng được 56.000.000 đồng, các năm 2019, 2020, 2021 mỗi năm trả được 20.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà L đã trả cho bà P là 131.000.000 đồng. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và số tiền lãi chưa trả cho nguyên đơn là 914.277.000 đồng (*Chín trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn vẫn cho rằng số tiền vay trên đã trả nhưng cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị Mỹ L, giữ nguyên Bản án số 06/2023/DSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thúy P.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thúy P số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 914.277.000 đồng (*Chín trăm mười bốn triệu hai trăm*

bảy mươi bảy nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 1.914.277.000 (*Một tỷ chín trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị Mỹ L phải chịu 69.428.310 đồng (*Sáu mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy P số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*) mà ông Phạm Cao K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008325 ngày 21 tháng 10 năm 2022.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0008479 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS TX PL;
- TAND TX PL;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Hạnh